

**BỘ XÂY DỰNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TÂY**



**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ TỔNG HỢP
CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

*(Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
của Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

Vĩnh Long, tháng 8 năm 2026

MỤC LỤC

MỤC LỤC	1
DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐƯỢC RÀ SOÁT	2
PHẦN I. KHÁI QUÁT CHUNG.....	3
1. Mục đích tự đánh giá.....	3
2. Phạm vi và đối tượng	3
3. Phương pháp tự đánh giá	3
PHẦN II. KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ.....	4
1. Tiêu chuẩn 1. Mục tiêu và Chuẩn đầu ra của CTĐT	4
2. Tiêu chuẩn 2. Cấu trúc và nội dung CTĐT.....	4
3. Tiêu chuẩn 3. Hoạt động dạy và học.....	5
4. Tiêu chuẩn 4. Đánh giá kết quả học tập.....	5
5. Tiêu chuẩn 5. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên	6
6. Tiêu chuẩn 6. Các dịch vụ hỗ trợ người học	6
7. Tiêu chuẩn 7. Cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất và trang thiết bị	7
8. Tiêu chuẩn 8. Đầu ra và kết quả đầu ra.....	7
PHẦN III. KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHUNG	8
3.1 Chuẩn đầu ra	8
3.2 Đảm bảo tiếp cận theo chuẩn đầu ra trong giảng dạy và đánh giá	8
3.3 Đội ngũ giảng viên và nhân lực thực hiện chương trình.....	8
3.4 Định hướng và kế hoạch cải tiến chất lượng chung.....	8
3.5 Cam kết cải tiến liên tục.....	8
PHẦN IV. KẾ HOẠCH CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG	9
PHẦN V. KẾT LUẬN	10



DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐƯỢC RÀ SOÁT

TT	Mã ngành	Tên CTĐT	Chuyên ngành	Trình độ
1	7580101	Ngành Kiến trúc	Kiến trúc Công trình	Đại học
2	7580201	Ngành Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp, Công nghệ thi công và An toàn lao động, Công trình ngầm đô thị, Quản lý dự án xây dựng, Kỹ thuật Xây dựng Công nghệ số, Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp (chương trình tiếng Anh tăng cường)	Đại học
3	7580205	Ngành Kỹ thuật Xây dựng Công trình Giao thông	Kỹ thuật Xây dựng Công trình Giao thông	Đại học
4	7580320	Ngành Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường, Công nghệ môi trường và Quản lý Tài nguyên đất đai	Đại học
5	7340301	Ngành Kế toán (Cử nhân)	Kế toán Doanh nghiệp, Kế toán Doanh nghiệp - Xây dựng	Đại học
6	7480103	Ngành Kỹ thuật Phần mềm	Kỹ thuật Phần mềm, Lập trình nhúng IoT	Đại học
7	7580213	Ngành Cấp thoát nước	Kỹ thuật Cấp thoát nước	Đại học
8	7580202	Ngành Kỹ thuật Xây dựng Công trình thủy	Kỹ thuật Xây dựng Công trình thủy	Đại học
9	7510205	Ngành Công nghệ Kỹ thuật Ô tô	Công nghệ Kỹ thuật Ô tô	Đại học
10	7510605	Ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	Đại học
11	8580201	Kỹ thuật Xây dựng	Kỹ thuật Xây dựng (Định hướng ứng dụng)	Thạc sĩ
12	8580101	Kiến trúc	Kiến trúc	Thạc sĩ

PHẦN I. KHÁI QUÁT CHUNG

1. Mục đích tự đánh giá

Trong năm học 2025-2026, Trường Đại học Xây dựng Miền Tây triển khai hoạt động tự đánh giá (TĐG) định kỳ đối với các chương trình đào tạo (CTĐT) đang vận hành nhằm các mục tiêu chính sau:

- Đánh giá một cách toàn diện và khách quan mức độ đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng theo quy định tại Thông tư số 04/2025/TT-BGDĐT ngày 17/02/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về kiểm định chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học.
- Vận hành, chuẩn hóa và duy trì chu trình cải tiến liên tục (PDCA - Plan-Do-Check-Act) ở cấp độ CTĐT của từng khoa chuyên ngành và tổng hợp ở cấp trường.
- Làm căn cứ thực chất để cải tiến chất lượng đào tạo, đổi mới phương pháp giảng dạy, hoàn thiện phương pháp kiểm tra đánh giá theo chuẩn đầu ra (CĐR - OBE) đáp ứng yêu cầu thị trường lao động.
- Chuẩn bị cơ sở dữ liệu học vụ, hồ sơ minh chứng phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra chất lượng, TĐG thường niên và hướng tới đăng ký đánh giá ngoài, kiểm định chất lượng.

2. Phạm vi và đối tượng

Phạm vi đánh giá bao gồm toàn bộ các hoạt động thiết kế, lập kế hoạch, tổ chức giảng dạy, giám sát và cải tiến liên tục các CTĐT của Nhà trường trong năm học 2025-2026 (tính từ tháng 9/2025 đến tháng 8/2026).

Đối tượng TĐG bao gồm toàn bộ 12 CTĐT của trường đã được ban hành và vận hành chính thức, trong đó có 10 CTĐT trình độ đại học và 02 CTĐT trình độ thạc sĩ ngành Kỹ thuật Xây dựng.

Thời gian thực hiện quy trình TĐG được triển khai khép kín từ tháng 10/2025 đến tháng 7/2026 dưới sự chủ trì trực tiếp của Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng (KT&ĐBCL) phối hợp cùng các Khoa chuyên môn và phòng chức năng.

3. Phương pháp tự đánh giá

Nhà trường áp dụng kết hợp đồng bộ các phương pháp định tính và định lượng để bảo đảm tính chính xác, khách quan của các nhận định trong báo cáo:

Phương pháp thu thập, phân tích tài liệu và hồ sơ minh chứng: Rà soát toàn bộ các quyết định ban hành CTĐT, Bản mô tả, đề cương chi tiết (ĐCCT) học phần, kế hoạch giảng dạy, đề thi, đáp án, rubric và kết quả học tập của người học.

Phương pháp khảo sát và phỏng vấn các bên liên quan: Khảo sát định kỳ ý kiến phản hồi của người học về chất lượng giảng dạy; khảo sát mức độ hài lòng của giảng viên; khảo sát tình hình việc làm của cựu người học sau tốt nghiệp 12 tháng; lấy ý kiến góp ý của nhà tuyển dụng và các chuyên gia đầu ngành xây dựng.

Phương pháp đối sánh chương trình: Thực hiện đối sánh cấu trúc, CĐR và danh mục học phần với Khung trình độ quốc gia Việt Nam (VQF) và các chương trình của các cơ sở giáo dục đại học có uy tín tương đồng.

Phương pháp rà soát nội bộ và họp Hội đồng thông qua: Thực hiện thẩm định chéo phiếu rà soát CTĐT giữa các khoa; tổ chức các cuộc họp Hội đồng Đảm bảo chất lượng cấp trường để thảo luận thống nhất và biểu quyết thông qua báo cáo.

PHẦN II. KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Tiêu chuẩn 1. Mục tiêu và Chuẩn đầu ra của CTĐT

Điểm mạnh

100% CTĐT đã ban hành đầy đủ mục tiêu đào tạo rõ ràng, phù hợp nhất quán với sứ mạng, tầm nhìn và định hướng phát triển chiến lược của Nhà trường qua từng giai đoạn.

Hệ thống chuẩn đầu ra (CĐR/PLO) được xây dựng khoa học, đáp ứng đầy đủ yêu cầu của Khung trình độ quốc gia Việt Nam và được công bố công khai trên cổng thông tin điện tử, sổ tay người học.

Nhà trường đã xây dựng quy trình rà soát CĐR có sự đối sánh chặt chẽ với các CTĐT cùng khối ngành của các cơ sở đào tạo đại học uy tín.

Hoạt động lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan (giảng viên, người học, cựu người học và nhà tuyển dụng) được thực hiện nghiêm túc, tạo cơ sở thực tế cho việc điều chỉnh CĐR.

Điểm tồn tại

Một số CĐR ở một số ngành đào tạo đặc thù chưa được lượng hóa hoàn toàn cụ thể, một vài chỉ số đo lường (PI) còn thiếu các động từ hành động cụ thể ở các mức Bloom tương ứng.

Tần suất cập nhật chuẩn đầu ra của một số ngành kỹ thuật chuyên sâu chưa được thực hiện hoàn toàn định kỳ theo một chu kỳ cố định rõ ràng.

Kế hoạch hành động

Rà soát toàn bộ CĐR học phần và CĐR chương trình của tất cả các ngành theo hướng đo lường trực tiếp được, chuẩn hóa hệ thống động từ hành động theo thang Bloom.

Thiết lập chu kỳ rà soát, cập nhật CĐR cố định 2 năm/lần cho tất cả các trình độ.

Mở rộng quy mô mẫu khảo sát nhà tuyển dụng và cựu người học để thu thập dữ liệu khách quan làm căn cứ điều chỉnh CĐR.

Tự đánh giá: Đạt

2. Tiêu chuẩn 2. Cấu trúc và nội dung CTĐT

Điểm mạnh

Cấu trúc và nội dung các khối kiến thức trong CTĐT bảo đảm tính logic, kế thừa chặt chẽ và liên thông tốt giữa các học phần từ đại cương đến chuyên sâu.

100% học phần trong các CTĐT đã có đầy đủ ĐCCT học phần và ma trận liên kết đóng góp của học phần vào CĐR (CLO-PLO) rõ ràng.

Điểm tồn tại

Một số thông tin chi tiết về số tín chỉ, mã học phần và điều kiện học phần tiên quyết/song hành giữa Bản mô tả chương trình và ĐCCT học phần năm 2025 ở một vài ngành còn chưa hoàn toàn đồng bộ thống nhất.

Công tác rà soát, đánh giá hiệu quả tiếp cận thông tin chương trình của các bên liên

quan chưa được lượng hóa và hệ thống hóa.

Kế hoạch hành động

Tổ chức đối soát toàn diện và chuẩn hóa đồng bộ số tín chỉ, mã học phần, tên học phần và điều kiện học trước/tiên quyết của tất cả học phần, đặc biệt ưu tiên các học phần Vật liệu xây dựng, Thực tập tốt nghiệp.

Xây dựng cây tiên quyết học phần trực quan và sơ đồ lộ trình tự chọn theo các định hướng vị trí việc làm để công bố rộng rãi.

Tự đánh giá: Đạt

3. Tiêu chuẩn 3. Hoạt động dạy và học

Điểm mạnh

Triết lý giáo dục "Môi trường thân thiện - Tri thức khoa học - Ứng dụng thực tế" đã được lồng ghép, chuyển tải tương đối rõ nét vào cấu trúc đề cương, kế hoạch bài dạy và phương pháp tổ chức hoạt động của giảng viên.

Nhà trường áp dụng đa dạng và linh hoạt các phương pháp dạy và học tích cực, hướng vào người học (học theo dự án, nghiên cứu tình huống, trải nghiệm thực tế công trường, sử dụng mô hình thông tin công trình BIM).

Điểm tồn tại

Mức độ nhận biết, thấu hiểu sâu sắc và vận dụng các giá trị cốt lõi của triết lý giáo dục trong thực tế giảng dạy và học tập của một số bộ phận giảng viên, người học và nhà tuyển dụng chưa được khảo sát, lượng hóa định kỳ.

Kế hoạch hành động

Thiết kế và triển khai khảo sát định kỳ hằng năm về mức độ thấu hiểu và vận dụng triết lý giáo dục đối với từng nhóm đối tượng bên liên quan.

Chuẩn hóa ma trận liên kết giữa hoạt động giảng dạy, hoạt động học tập, công cụ kiểm tra đánh giá và CDR trong 100% ĐCCT học phần.

Tự đánh giá: Đạt

4. Tiêu chuẩn 4. Đánh giá kết quả học tập

Điểm mạnh

Nhà trường áp dụng đa dạng các phương pháp và hình thức đánh giá kết quả học tập (thi viết, tiểu luận, thuyết trình, làm việc nhóm, đồ án, sản phẩm số, bảo vệ trước hội đồng).

Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời qua nhiều kênh tương tác trực tiếp và trực tuyến, giúp người học nhận biết hạn chế và điều chỉnh phương pháp học tập.

Điểm tồn tại

Hệ thống ngân hàng câu hỏi, ngân hàng đề thi chưa bảo đảm tính đồng bộ và phân hóa tốt ở tất cả các CTĐT.

Hoạt động phân tích phổ điểm thi, phân tích độ tin cậy và độ giá trị của đề thi kết thúc học phần chưa được thực hiện hoàn toàn thường xuyên.

Kế hoạch hành động

Đẩy mạnh chuẩn hóa và số hóa ngân hàng câu hỏi thi, đề thi kết thúc học phần gắn

trực tiếp với mức độ đạt chuẩn đầu ra (CLO).

Tổ chức tập huấn định kỳ hằng năm cho toàn thể giảng viên về thiết kế công cụ đánh giá, ma trận đề thi và xây dựng rubric chấm điểm chi tiết.

Yêu cầu các Khoa thực hiện phân tích phổ điểm thi của các học phần cốt lõi sau mỗi học kỳ để cải tiến hoạt động đánh giá.

Tự đánh giá: Đạt

5. Tiêu chuẩn 5. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Điểm mạnh

Đội ngũ giảng viên cơ hữu và nòng cốt tham gia thực hiện các CTĐT đáp ứng đầy đủ yêu cầu về số lượng định mức và trình độ chuyên môn theo quy định.

Nhà trường ban hành đầy đủ và thực hiện nhất quán các chính sách khuyến khích giảng viên nâng cao trình độ (học tiến sĩ), hỗ trợ kinh phí nghiên cứu khoa học và công bố bài báo quốc tế.

Công tác phân công giảng dạy bảo đảm đúng hoặc rất gần chuyên môn đào tạo, thâm niên và kinh nghiệm thực tiễn của từng giảng viên.

Điểm tồn tại

Tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ ở một số ngành đào tạo trình độ đại học còn thấp so với yêu cầu phát triển dài hạn.

Số lượng các công bố khoa học quốc tế uy tín (Scopus/Web of Science) của đội ngũ giảng viên tham gia thực hiện một số CTĐT chưa đồng đều và chưa cao.

Kế hoạch hành động

Xây dựng và thực hiện quyết liệt lộ trình quy hoạch đào tạo tiến sĩ cho giảng viên trẻ; có chính sách thu hút giảng viên có trình độ cao về trường công tác.

Tăng mức hỗ trợ tài chính, khen thưởng và hình thành các nhóm nghiên cứu mạnh để thúc đẩy công bố khoa học quốc tế hằng năm.

Tự đánh giá: Đạt

6. Tiêu chuẩn 6. Các dịch vụ hỗ trợ người học

Điểm mạnh

Nhà trường đã xây dựng và vận hành hiệu quả hệ thống cố vấn học tập, hỗ trợ học vụ, tư vấn tâm lý, học bổng và các chính sách hỗ trợ tài chính rõ ràng, minh bạch cho người học.

Hệ thống phần mềm quản lý đào tạo (QLĐT) hoạt động ổn định, hỗ trợ tốt công tác đăng ký học phần, ghi nhận kết quả học tập và cảnh báo học vụ kịp thời.

Điểm tồn tại

CSDL quản lý các hoạt động dịch vụ hỗ trợ còn phân tán giữa các phòng ban chuyên trách.

Công tác lượng hóa mức độ tham gia, đánh giá hiệu quả thực chất của từng hoạt động ngoại khóa, cuộc thi học thuật đối với kết quả học tập và khả năng việc làm sau tốt nghiệp của người học chưa được thực hiện đồng đều.

Kế hoạch hành động

Xây dựng cơ sở dữ liệu dịch vụ hỗ trợ người học tích hợp trên hệ thống thông tin dùng chung của Nhà trường.

Thiết lập bộ chỉ số KPI cụ thể để theo dõi, đánh giá định kỳ hằng năm mức độ hài lòng và hiệu quả thực tế của các dịch vụ hỗ trợ.

Tự đánh giá: Đạt

7. Tiêu chuẩn 7. Cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất và trang thiết bị

Điểm mạnh

Hệ thống phòng học lý thuyết, phòng máy tính, phòng thực hành, xưởng và các phòng thí nghiệm chuyên ngành cơ bản đầy đủ, phục vụ tốt cho hoạt động dạy, học và nghiên cứu khoa học.

Nhà trường ban hành đầy đủ quy trình kiểm kê, bảo trì, hiệu chuẩn thiết bị định kỳ và có kế hoạch nâng cấp cơ sở hạ tầng hằng năm.

Điểm tồn tại

Một số thiết bị, máy móc thí nghiệm và thực hành kỹ thuật ở một số phòng thí nghiệm đã cũ, chưa được hiện đại hóa đồng bộ.

Tài nguyên học liệu số chuyên sâu, các giáo trình kỹ thuật ngoại văn cập nhật và cơ sở dữ liệu chuyên ngành tại thư viện còn hạn chế.

Kế hoạch hành động

Lập và triển khai kế hoạch đầu tư nâng cấp, thay thế định kỳ các trang thiết bị thí nghiệm đã cũ bằng nguồn kinh phí phát triển hoạt động sự nghiệp.

Đẩy mạnh số hóa tài nguyên thư viện, mua bổ sung bản quyền truy cập các cơ sở dữ liệu khoa học chuyên ngành trong nước và quốc tế.

Tự đánh giá: Đạt

8. Tiêu chuẩn 8. Đầu ra và kết quả đầu ra

Điểm mạnh

Tỷ lệ người học tốt nghiệp đúng hạn hằng năm duy trì ở mức cao và ổn định; tỷ lệ thôi học được kiểm soát chặt chẽ ở tất cả các khóa đào tạo.

Công tác khảo sát việc làm cựu người học sau tốt nghiệp 12 tháng được triển khai thường niên bài bản; dữ liệu phản hồi được Khoa chuyên môn sử dụng tích cực để điều chỉnh chương trình.

Điểm tồn tại

Dữ liệu theo dõi tiến trình thăng tiến nghề nghiệp, tình hình việc làm lâu dài của cựu người học sau 3-5 năm tốt nghiệp chưa được xây dựng và cập nhật có hệ thống.

Công tác đo lường trực tiếp mức độ đạt CĐR cấp chương trình (PLO) của người học tại thời điểm tốt nghiệp còn gặp khó khăn do thiếu công cụ tự động hóa.

Kế hoạch hành động

Xây dựng cơ sở dữ liệu cựu người học tập trung cấp trường; định kỳ khảo sát tình hình việc làm sau 6 tháng, 12 tháng và thăng tiến sau 3 năm.

Nâng cấp phần mềm quản lý học tập để số hóa và tự động hóa quy trình đo lường mức tích lũy chuẩn đầu ra (PLO/PI) của từng khóa học hằng học kỳ.

Tự đánh giá: Đạt

PHẦN III. KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHUNG

3.1 Chuẩn đầu ra

Trong năm học 2025-2026, 100% CTĐT của Nhà trường đã hoàn thành việc rà soát chuẩn đầu ra (CĐR) theo kế hoạch TĐG thường niên. CĐR của các CTĐT được xây dựng bảo đảm tính tương thích chặt chẽ với Khung trình độ quốc gia Việt Nam (bậc 6 đối với trình độ đại học và bậc 7 đối với trình độ thạc sĩ), đồng thời phù hợp định hướng phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực kiến trúc, xây dựng của khu vực Đồng bằng sông Cửu Long.

Đặc biệt, CTĐT ngành Kỹ thuật Xây dựng trình độ đại học đã được tái cấu trúc thành công từ hệ thống 15 CĐR cũ sang hệ thống mới gồm 10 chuẩn đầu ra cấp chương trình (PLO) và 21 chỉ số thực hiện (PI), hỗ trợ việc đo lường trực tiếp mức độ tích lũy năng lực của người học. Tương tự, chương trình trình độ thạc sĩ cũng đã được chuẩn hóa thành hệ thống 10 PLO và 21 PI có thể đo lường và truy vết minh chứng chất lượng rõ ràng.

3.2 Đảm bảo tiếp cận theo chuẩn đầu ra trong giảng dạy và đánh giá

Nhà trường đã xây dựng bản đồ liên kết đóng góp của học phần vào CĐR chương trình (PLO-CLO) đối với toàn bộ các học phần trong chương trình. Hoạt động giảng dạy và kiểm tra đánh giá đã từng bước chuyển dịch từ tiếp cận nội dung sang tiếp cận năng lực đầu ra. Giảng viên đã tích cực ứng dụng các phương pháp giảng dạy tương tác cao, học tập dựa trên dự án, đồng thời áp dụng thang đo Bloom và bảng tiêu chí đánh giá (rubric) chi tiết để phản hồi kết quả học tập kịp thời, giúp người học cải thiện chất lượng học tập qua từng giai đoạn.

3.3 Đội ngũ giảng viên và nhân lực thực hiện chương trình

Đội ngũ giảng viên cơ hữu trực tiếp tham gia thực hiện các CTĐT bảo đảm đầy đủ định mức số lượng và đạt chuẩn về chất lượng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tỷ lệ giảng viên đạt trình độ sau đại học cao (trình độ thạc sĩ trở lên đạt 100% đối với đội ngũ giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT). Ở trình độ thạc sĩ, 100% giảng viên nòng cốt trực tiếp giảng dạy và hướng dẫn đề án tốt nghiệp đều đạt trình độ tiến sĩ trở lên và có thâm niên, kinh nghiệm nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ đổi mới.

3.4 Định hướng và kế hoạch cải tiến chất lượng chung

Nhà trường xác định cải tiến chất lượng là nhiệm vụ cốt lõi hằng năm để duy trì tính bền vững của CTĐT. Định hướng cải tiến chung trong năm học tiếp theo sẽ tập trung vào:

- Rà soát, lượng hóa và chuẩn hóa 100% CĐR tất cả các ngành theo tiếp cận giáo dục dựa trên CĐR (OBE), tích hợp kỹ năng số, năng lực chuyển đổi số và kỹ năng mềm.
- Hoàn thiện hệ thống ngân hàng đề thi kết thúc học phần, chuẩn hóa công cụ đánh giá, thang điểm và các rubric chấm điểm cho bài tập lớn, đề án, thực tập.
- Tập huấn thường niên bồi dưỡng giảng viên nâng cao năng lực thiết kế hoạt động giảng dạy và kiểm tra đánh giá theo chuẩn đầu ra.

3.5 Cam kết cải tiến liên tục

Trường Đại học Xây dựng Miền Tây cam kết triển khai nghiêm túc, quyết liệt toàn

bộ các nội dung trong kế hoạch cải tiến chất lượng; coi hoạt động TĐG thường niên là công cụ quản lý chất lượng nội bộ thực chất để nâng cao năng lực cạnh tranh học thuật và mang lại trải nghiệm học tập tốt nhất cho người học.

PHẦN IV. KẾ HOẠCH CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG

Kế hoạch cải tiến chất lượng được xây dựng cho chu kỳ năm học 2026-2027 trên cơ sở bám sát các điểm tồn tại được nhận diện trong hoạt động TĐG năm học 2025-2026, nhằm bảo đảm phân công rõ trách nhiệm, nguồn lực và chỉ số đo lường kết quả cụ thể.

STT	Nội dung cải tiến	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời hạn hoàn thành	Chỉ số theo dõi/KPI
1	Chuẩn hóa lại Chuẩn đầu ra (CĐR) theo hướng đo lường được	Phòng QLĐT	Các Khoa chuyên môn	Tháng 12/2026	100% CTĐT có CĐR lượng hóa rõ mức độ đạt
2	Rà soát, tinh giản các nội dung trùng lặp trong CTĐT	Các Khoa chuyên môn	Phòng QLĐT	Tháng 06/2027	100% CTĐT có biên bản rà soát cấu trúc logic
3	Chuẩn hóa hệ thống ngân hàng câu hỏi thi và rubric đánh giá học phần	Phòng QLĐT	Các Khoa chuyên môn	Tháng 05/2027	$\geq 80\%$ học phần cốt lõi có ngân hàng đề thi chuẩn hóa
4	Tổ chức tập huấn bồi dưỡng giảng viên về đánh giá theo chuẩn đầu ra	Phòng KT&ĐBCL	Phòng TCHC	Tháng 03/2027	$\geq 90\%$ giảng viên tham gia tập huấn đầy đủ
5	Thực hiện lộ trình nâng cao tỷ lệ giảng viên cơ hữu đạt trình độ tiến sĩ	Ban Giám hiệu	Các Khoa chuyên môn	Giai đoạn 2026-2028	Tăng tối thiểu 5% tỷ lệ giảng viên có học vị tiến sĩ hằng năm
6	Xây dựng và chuẩn hóa cơ sở dữ liệu cựu người học tập trung toàn trường	Phòng CTCTSV	Các Khoa chuyên môn	Tháng 12/2026	Hệ thống dữ liệu số tập trung đạt $\geq 70\%$ người học cập nhật
7	Triển khai khảo sát tình hình việc làm sau tốt nghiệp 6 tháng và 12 tháng	Phòng CTCTSV	Các Khoa chuyên môn	Hằng năm	Tỷ lệ cựu người học phản hồi khảo sát đạt $\geq 60\%$
8	Quy hoạch đầu tư, nâng cấp trang thiết bị phòng thí nghiệm chuyên	Phòng QT&TB	Các Khoa chuyên môn	Giai đoạn 2026-2027	100% phòng thí nghiệm kỹ thuật đạt yêu cầu an toàn tối

STT	Nội dung cải tiến	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời hạn hoàn thành	Chỉ số theo dõi/KPI
	ngành				thiếu
9	Mua bổ sung bản quyền truy cập và mở rộng học liệu số thư viện	Thư viện	Các Khoa chuyên môn	Năm 2027	Tăng $\geq 20\%$ tài nguyên học liệu số chuyên ngành xây dựng
10	Phát triển và triển khai hệ thống số cảnh báo học tập sớm cho người học	Phòng QLĐT	Các Khoa chuyên môn	Tháng 06/2027	100% người học có điểm cảnh báo học vụ được theo dõi, hỗ trợ

Cơ chế kiểm tra và giám sát:

Phòng KT&ĐBCL là đơn vị đầu mối, chịu trách nhiệm chính trong việc đôn đốc, kiểm tra và định kỳ 6 tháng/lần báo cáo Ban Giám hiệu về tiến độ, kết quả thực hiện kế hoạch cải tiến chất lượng của từng đơn vị. Kết quả thực hiện kế hoạch cải tiến chất lượng này sẽ được tổng hợp chính thức trong Báo cáo TĐG của năm học tiếp theo.

PHẦN V. KẾT LUẬN

Hoạt động TĐG định kỳ hằng năm đối với tất cả các CTĐT của Trường Đại học Xây dựng Miền Tây trong năm học 2025-2026 đã được triển khai thành công, bảo đảm đúng quy trình, tiến độ và tuân thủ các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Quá trình TĐG được thực hiện thực chất, có sự tham gia đóng góp ý kiến dân chủ, rộng rãi của toàn thể cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên, người học và các bên liên quan bên ngoài.

Kết quả TĐG chung: 12/12 CTĐT được rà soát và đánh giá đạt yêu cầu chất lượng cấp CTĐT theo bộ tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo (đạt tỷ lệ 100%). Kế hoạch cải tiến chất lượng chi tiết đã được cụ thể hóa, phân công trách nhiệm rõ ràng cho từng đơn vị chủ trì, phối hợp với thời hạn và chỉ số KPI cụ thể để bảo đảm chu trình cải tiến liên tục được thực hiện thực chất, bền vững.

Vĩnh Long, ngày 17 tháng 8 năm 2026

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG


Lê Tấn Truyền